

Số: /BC-SYT

Quảng Ngãi, ngày tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO

Tình hình dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi
(*Tính đến 15 giờ 00 ngày 31/12/2021*)

Từ 15 giờ ngày 30/12/2021 đến 15 giờ ngày 31/12/2021: **195 ca mắc mới.**

STT	Mã BN	Năm sinh	Giới tính	Chỗ ở hiện nay	Đối tượng
1. Ca bệnh cộng đồng: 178 ca					
1.1. Bình Sơn: 76 ca					
1.	1724915	1958	Nam	TDP 5, Thị trấn Châu Ổ, Bình Sơn	Xét nghiệm cộng đồng
2.	1724918	2007	Nữ	Phước Hòa, Bình Trị, Bình Sơn	F1 BN 1691236, xét nghiệm cộng đồng
3.	1724919	1993	Nam	Bầu Chuốc, Bình Chánh, Bình Sơn	Xét nghiệm cộng đồng
4.	1724921	1990	Nam	Mỹ Tân, Bình Chánh, Bình Sơn	Xét nghiệm cộng đồng
5.	1724922	1984	Nữ	An Điềm, Bình Chương, Bình Sơn	Xét nghiệm cộng đồng
6.	1724925	1985	Nữ	An Điềm, Bình Chương, Bình Sơn	Xét nghiệm cộng đồng
7.	1724926	1991	Nữ	Trị Bình, Bình Nguyên, Bình Sơn	Công nhân Công ty Mensa - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
8.	1724927	2010	Nữ	Phước Hòa, Bình Trị, Bình Sơn	F1 BN 1691236, xét nghiệm cộng đồng
9.	1724930	1990	Nữ	Phước Bình, Bình Nguyên, Bình Sơn	Xét nghiệm cộng đồng
10.	1724931	1995	Nam	Phước Hòa, Bình Trị, Bình Sơn	Xét nghiệm cộng đồng
11.	1724933	1981	Nữ	Nhân Hòa, Bình Tân Phú, Bình Sơn	Xét nghiệm cộng đồng
12.	1724936	2021	Nam	An Châu, Thị trấn Châu Ổ, Bình Sơn	Xét nghiệm cộng đồng
13.	1724940	1990	Nữ	Thôn 2, Bình Hoà, Bình Sơn	Công nhân Công ty Hoyalens - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng

14.	1724944	1991	Nữ	Lệ Thủy, Bình Trị, Bình Sơn	Công nhân Công ty Mensa - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
15.	1724948	1997	Nam	Xuân Yên, Bình Hiệp, Bình Sơn	Công nhân Công ty Mensa - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
16.	1724949	1990	Nữ	Long Hội, Bình Long, Bình Sơn	Công nhân Công ty Mensa - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
17.	1724958	1970	Nữ	TDP 5, Thị trấn Châu Ổ, Bình Sơn	F1 BN 1691238, xét nghiệm cộng đồng
18.	1724959	1970	Nữ	TDP 5, Thị trấn Châu Ổ, Bình Sơn	F1 BN 1691238, xét nghiệm cộng đồng
19.	1724960	1996	Nam	TDP 5, Thị trấn Châu Ổ, Bình Sơn	Xét nghiệm cộng đồng
20.	1724961	1983	Nam	Đội 8, Nam Bình 2, Bình Nguyên, Bình Sơn	F1 BN 1678564, xét nghiệm cộng đồng
21.	1724963	1997	Nam	Mỹ Tân, Bình Chánh, Bình Sơn	F1 BN 1678612, xét nghiệm cộng đồng
22.	1724964	1976	Nam	Bình An Nội, Bình Chánh, Bình Sơn	F1 BN 1678524, xét nghiệm cộng đồng
23.	1724974	2002	Nữ	Châu Me, Bình Châu, Bình Sơn	Công nhân Công ty Mensa - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
24.	1724976	1977	Nam	Trung An, Bình Chánh, Bình Sơn	Xét nghiệm cộng đồng
25.	1724991	2014	Nam	An Lộc Bắc, Bình Trị, Bình Sơn	F1 BN 1663354, xét nghiệm cộng đồng
26.	1724993	1984	Nữ	Đội 13, Mỹ Long An, Bình Minh, Bình Sơn	Công nhân Công ty Mensa - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
27.	1724994	1992	Nữ	Thạch An, Bình Mỹ, Bình Sơn	Công nhân Công ty Mensa - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
28.	1724995	1985	Nữ	Mỹ Long Tây, Bình Minh, Bình Sơn	Công nhân Công ty Mensa - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
29.	1724996	1980	Nữ	Đông Thuận, Bình Trung, Bình Sơn	Công nhân Công ty Mensa - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
30.	1725081	1973	Nữ	Nam Thuận, Bình Chương, Bình Sơn	F1 BN1710359, xét nghiệm cộng đồng

31.	1725082	1988	Nam	Tân Hy 1, Bình Đông, Bình Sơn	Công nhân công ty H. Phát, xét nghịệm cộng đồng
32.	1725083	1985	Nữ	Liên Trì Đông, Bình Hiệp, Bình Sơn	Công nhân công ty Giày Rieker - KCN Tịnh Phong, xét nghịệm cộng đồng
33.	1725084	1997	Nam	Thôn Liên Trì, Bình Hiệp, Bình Sơn	Công nhân công ty Mensa - KCN VSIP, xét nghịệm cộng đồng
34.	1725085	1982	Nữ	Phước Hòa, Bình Thanh, Bình Sơn	Công nhân công ty Mensa - KCN VSIP, xét nghịệm cộng đồng
35.	1725086	2010	Nam	Phước Hòa, Bình Thanh, Bình Sơn	F1 BN1691202, xét nghịệm cộng đồng
36.	1725087	2021	Nam	Đội 16, Phú Lễ 2, Bình Trung, Bình Sơn	Xét nghịệm cộng đồng
37.	1725088	2002	Nam	Phú Lễ 1, Bình Trung, Bình Sơn	Xét nghịệm cộng đồng
38.	1725089	2002	Nữ	Gò Đông Thuận, Bình Trung, Bình Sơn	F1 BN1691157, xét nghịệm cộng đồng
39.	1725090	1986	Nữ	TDP3, Thị trấn Châu Ổ, Bình Sơn	Xét nghịệm cộng đồng
40.	1725091	1979	Nam	TDP4, Thị trấn Châu Ổ, Bình Sơn	Xét nghịệm cộng đồng
41.	1725092	1996	Nữ	TDP1, Thị trấn Châu Ổ, Bình Sơn	Xét nghịệm cộng đồng
42.	1725093	2020	Nữ	TDP1, Thị trấn Châu Ổ, Bình Sơn	Xét nghịệm cộng đồng
43.	1725094	2007	Nữ	TDP2, Thị trấn Châu Ổ, Bình Sơn	Xét nghịệm cộng đồng
44.	1725095	1994	Nam	X8, Giao Thủy, Thị trấn Châu Ổ, Bình Sơn	F1 BN1691270, xét nghịệm cộng đồng
45.	1725096	1960	Nam	TDP1, Thị trấn Châu Ổ, Bình Sơn	Xét nghịệm cộng đồng
46.	1725097	1967	Nữ	TDP1, Thị trấn Châu Ổ, Bình Sơn	Xét nghịệm cộng đồng
47.	1725098	1978	Nữ	An Châu, Thị trấn Châu Ổ, Bình Sơn	Xét nghịệm cộng đồng
48.	1725105	1997	Nam	Thôn Ngã 6, Bình Chánh, Bình Sơn	Xét nghịệm cộng đồng
49.	1725106	2019	Nam	TDP5, Thị trấn Châu Ổ, Bình Sơn	Xét nghịệm cộng đồng
50.	1725107	1983	Nam	Đông An, Trung An, Bình Thạnh, Bình Sơn	Xét nghịệm cộng đồng

51.	1725108	1966	Nam	Phú Lễ 1, Bình Trung, Bình Sơn	Xét nghiệm cộng đồng
52.	1724999	1999	Nam	Lê Thuỷ, Bình Trị, Bình Sơn	Công nhân Công ty Mensa - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
53.	1725001	1984	Nam	Đội 12, Long Hội, Bình Long, Bình Sơn	F1 BN 1691188, xét nghiệm cộng đồng
54.	1725002	2013	Nam	Đội 12, Long Hội, Bình Long, Bình Sơn	F1 BN 1691188, xét nghiệm cộng đồng
55.	1725003	2015	Nữ	Đội 12, Long Hội, Bình Long, Bình Sơn	F1 BN 1691188, xét nghiệm cộng đồng
56.	1725009	1983	Nam	An Diêm 2, Bình Chương, Bình Sơn	Xét nghiệm cộng đồng
57.	1725029	1997	Nữ	Tổ 1, Chí Nguyên, Phú Lễ 1, Bình Trung, Bình Sơn	Xét nghiệm cộng đồng
58.	1725030	2014	Nam	Long Bình, Bình Long, Bình Sơn	Xét nghiệm cộng đồng
59.	1725031	2009	Nam	Tuyết Diêm 2, Bình Thuận, Bình Sơn	Xét nghiệm cộng đồng
60.	1725043	1979	Nam	Bình Thuận, Bình Sơn	Công nhân công ty Doosan Dung Quất, xét nghiệm cộng đồng
61.	1725044	1988	Nam	Bình Thuận, Bình Sơn	Công nhân công ty Doosan Dung Quất, xét nghiệm cộng đồng
62.	1725046	1989	Nam	Lê Thuỷ, Bình Trị, Bình Sơn	Công nhân công ty Doosan Dung Quất, xét nghiệm cộng đồng
63.	1725047	1985	Nữ	Bình Hải, Bình Sơn	Công nhân Công ty Mensa - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
64.	1725049	1972	Nữ	Thị trấn Châu Ô, Bình Sơn	Công nhân Công ty Xindadong Textiles - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
65.	1725050	1981	Nam	Bình Thạnh, Bình Sơn	Xét nghiệm cộng đồng
66.	1725051	1991	Nam	An Châu, Thị trấn Châu Ô, Bình Sơn	Công nhân công ty H. Phát, xét nghiệm cộng đồng
67.	1725053	1995	Nam	Bình Chương, Bình Sơn	Công nhân công ty H. Phát, xét nghiệm cộng đồng
68.	1725054	1979	Nữ	Bình Thuận, Bình Sơn	Công nhân công ty H. Phát, xét nghiệm cộng đồng

69.	1725055	1989	Nữ	Tân Hy, Bình Đông, Bình Sơn	Công nhân công ty H. Phát, xét nghiệm cộng đồng
70.	1725070	1981	Nam	Xuân Yên, Bình Hiệp, Bình Sơn	Xét nghiệm cộng đồng
71.	1725071	1971	Nam	Xóm Cầu, An Khương, Bình An, Bình Sơn	Xét nghiệm cộng đồng
72.	1725074	1965	Nữ	Phước Thiện, Bình Hải, Bình Sơn	Xét nghiệm cộng đồng
73.	1725076	1971	Nữ	Tuyết Diêm 2, Bình Thuận, Bình Sơn	Xét nghiệm cộng đồng
74.	1725066	1992	Nam	Bình Tân Phú, Bình Sơn	Công nhân công ty H. Phát Xét nghiệm cộng đồng
75.	1725067	1997	Nữ	Bình Đông, Bình Sơn	Công nhân công ty Mensa - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
76.	1725064	1984	Nam	Bình Long, Bình Sơn	Công nhân Nhà máy lọc dầu Dung Quất, xét nghiệm cộng đồng
1.2. Sơn Tĩnh: 40 ca					
77.	1724916	1993	Nam	Đội 1, Thọ Đông, Tĩnh Thọ, Sơn Tĩnh	Công nhân công ty Millennium - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
78.	1724917	1991	Nữ	Mỹ Danh, Tĩnh Hiệp, Sơn Tĩnh	Xét nghiệm cộng đồng
79.	1724928	1973	Nam	Diên Niên, Tĩnh Sơn, Sơn Tĩnh	Công nhân công ty Millennium - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
80.	1724934	2007	Nữ	Bình Nam, Tĩnh Bình, Sơn Tĩnh	Xét nghiệm cộng đồng
81.	1724932	2015	Nữ	Bình Nam, Tĩnh Bình, Sơn Tĩnh	Xét nghiệm cộng đồng
82.	1724941	2001	Nữ	Thế Long, Tĩnh Phong, Sơn Tĩnh	Công nhân công ty TNHH Fujikura Automotive -KCN Tĩnh Phong, xét nghiệm cộng đồng
83.	1724943	1991	Nữ	Thọ Tây, Tĩnh Thọ, Sơn Tĩnh	Xét nghiệm cộng đồng
84.	1724951	1991	Nam	Hà Nhai Nam, Tĩnh Hà, Sơn Tĩnh	Công nhân Công ty Mensa - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng

85.	1724953	1967	Nữ	Đội 1, Phú Lộc, Tỉnh Phong, Sơn Tĩnh	Công nhân Công ty Mensa - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
86.	1724978	1986	Nữ	Xóm 4, Thọ Đông, Tỉnh Thọ, Sơn Tĩnh	Công nhân Công ty Mensa - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
87.	1724979	2001	Nữ	Xóm 2, Thọ Nam, Tỉnh Thọ, Sơn Tĩnh	Xét nghiệm cộng đồng
88.	1724980	1976	Nữ	Xóm 2, Thọ Nam, Tỉnh Thọ, Sơn Tĩnh	Xét nghiệm cộng đồng
89.	1724981	1981	Nữ	Thôn Đông, Tỉnh Sơn, Sơn Tĩnh	Xét nghiệm cộng đồng
90.	1724977	2012	Nam	Xóm 4, Thọ Đông, Tỉnh Thọ, Sơn Tĩnh	Xét nghiệm cộng đồng
91.	1724984	1996	Nữ	Phong Niên Hạ, Tỉnh Phong, Sơn Tĩnh	Xét nghiệm cộng đồng
92.	1724988	1991	Nam	Thọ Lộc Tây, Tỉnh Hà, Sơn Tĩnh	Công nhân Công ty Hoyalens - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
93.	1724989	2000	Nữ	Xóm 3, Thế Lợi, Tỉnh Phong, Sơn Tĩnh	Công nhân Công ty Hoyalens - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
94.	1724990	1990	Nữ	Phong Niên Hạ, Tỉnh Phong, Sơn Tĩnh	Công nhân Công ty Mensa - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
95.	1724992	1995	Nữ	Phong Niên Hạ, Tỉnh Phong, Sơn Tĩnh	Công nhân Công ty Mensa - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
96.	1724997	1991	Nam	Đông Hoà, Tỉnh Giang, Sơn Tĩnh	Công nhân Công ty Mensa - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
97.	1725005	1975	Nữ	Lâm Lộc, Tỉnh Hà, Sơn Tĩnh	Xét nghiệm cộng đồng
98.	1725006	2012	Nam	Trường Thọ, Tỉnh Phong, Sơn Tĩnh	Xét nghiệm cộng đồng
99.	1725007	2010	Nam	Xóm 1, Trường Thọ, Tỉnh Thọ, Sơn Tĩnh	Xét nghiệm cộng đồng
100.	1725015	1966	Nữ	Đội 1, Bình Nam, Tỉnh Bình, Sơn Tĩnh	F1 BN 1710274, xét nghiệm cộng đồng
101.	1725016	1987	Nam	Đội 1, Bình Nam, Tỉnh Bình, Sơn Tĩnh	F1 BN 1710274, xét nghiệm cộng đồng

102.	1725034	1976	Nữ	Tịnh Phong, Sơn Tịnh	Công nhân Công ty Trâm Nam - KCN Tịnh Phong, xét nghiệm cộng đồng
103.	1725035	1995	Nam	Tịnh Giang, Sơn Tịnh	Công nhân Công ty Trâm Nam - KCN Tịnh Phong, xét nghiệm cộng đồng
104.	1725075	2001	Nữ	Phong Niên Hạ, Tịnh Phong, Sơn Tịnh	Công nhân công ty Mensa - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
105.	1725072	1991	Nữ	Thọ Tây, Tịnh Thọ, Sơn Tịnh	Xét nghiệm cộng đồng
106.	1725073	2003	Nam	Thế Long, Tịnh Phong, Sơn Tịnh	Xét nghiệm cộng đồng
107.	1725099	1967	Nữ	Khánh Mỹ, Tịnh Trà, Sơn Tịnh	F1 BN1663239, xét nghiệm cộng đồng
108.	1725100	2004	Nữ	Đội 15, Hà Nhai Bắc, Tịnh Hà, Sơn Tịnh	Xét nghiệm cộng đồng
109.	1725036	1990	Nam	KTX Công ty Trâm Nam, Thế Long, Tịnh Phong, Sơn Tịnh	Công nhân Công ty Trâm Nam - KCN Tịnh Phong, xét nghiệm cộng đồng
110.	1725037	1997	Nam	KTX Công ty Trâm Nam, Thế Long, Tịnh Phong, Sơn Tịnh	Công nhân Công ty Trâm Nam - KCN Tịnh Phong, xét nghiệm cộng đồng
111.	1725038	2000	Nam	KTX Công ty Trâm Nam, Thế Long, Tịnh Phong, Sơn Tịnh	Công nhân Công ty Trâm Nam - KCN Tịnh Phong, xét nghiệm cộng đồng
112.	1725039	2001	Nữ	KTX Công ty Trâm Nam, Thế Long, Tịnh Phong, Sơn Tịnh	Công nhân Công ty Trâm Nam - KCN Tịnh Phong, xét nghiệm cộng đồng
113.	1725040	1991	Nam	KTX Công ty Trâm Nam, Thế Long, Tịnh Phong, Sơn Tịnh	Công nhân Công ty Trâm Nam - KCN Tịnh Phong, xét nghiệm cộng đồng
114.	1725041	2000	Nam	KTX Công ty Trâm Nam, Thế Long, Tịnh Phong, Sơn Tịnh	Công nhân Công ty Trâm Nam - KCN Tịnh Phong, xét nghiệm cộng đồng
115.	1725042	2001	Nam	KTX Công ty Trâm Nam, Thế Long, Tịnh Phong, Sơn Tịnh	Công nhân Công ty Trâm Nam - KCN Tịnh Phong, xét nghiệm cộng đồng
116.	1725057	2019	Nam	Bình Bắc, Tịnh Bình, Sơn Tịnh	F1 BN 1678613, xét nghiệm cộng đồng
1. 3. TP Quảng Ngãi: 28 ca					

117.	1724914	1987	Nam	Tổ 1, Trần Phú, TP Quảng Ngãi	NV Công ty Điện lực Quảng Ngãi, xét nghiệm cộng đồng
118.	1724920	1993	Nam	Tổ 7, Nghĩa Lộ, TP Quảng Ngãi	NV Công ty Dược QNIPHACO, xét nghiệm cộng đồng
119.	1724923	1995	Nam	Tổ 3, Lê Hồng Phong, TP Quảng Ngãi	Xét nghiệm cộng đồng
120.	1724942	1977	Nam	Tổ 8, Nghĩa Lộ, TP Quảng Ngãi	Xét nghiệm cộng đồng
121.	1724946	1990	Nam	Đội 9, An Lộc, Tịnh Long, TP Quảng Ngãi	Xét nghiệm cộng đồng
122.	1724945	1991	Nam	Quyết Thắng, Trương Quang Trọng, TP Quảng Ngãi	Công nhân công ty Millennium - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
123.	1724947	1956	Nữ	Tổ 4, Trần Phú, TP Quảng Ngãi	Xét nghiệm cộng đồng
124.	1724952	1989	Nam	Quyết Thắng, Trương Quang Trọng, TP Quảng Ngãi	Xét nghiệm cộng đồng
125.	1724967	1972	Nữ	Tổ 6, Nghĩa Lộ, TP Quảng Ngãi	Xét nghiệm cộng đồng
126.	1724968	2001	Nữ	Tổ 6, Nghĩa Lộ, TP Quảng Ngãi	Xét nghiệm cộng đồng
127.	1724969	1956	Nữ	Tổ 8, Nghĩa Lộ, TP Quảng Ngãi	Xét nghiệm cộng đồng
128.	1725010	1996	Nam	TDP Liên Hiệp 2ATrương Quang Trọng, TP Quảng Ngãi	Xét nghiệm cộng đồng
129.	1725011	1986	Nam	Đội 1, Hoà Bình, Tịnh Ấn Đông, TP Quảng Ngãi	Công nhân công ty Millennium -KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
130.	1725012	1986	Nữ	Đội 1, Hoà Bình, Tịnh Ấn Đông, TP Quảng Ngãi	Xét nghiệm cộng đồng
131.	1725013	1995	Nữ	Độc Lập, Tịnh Ấn Tây, TP Quảng Ngãi	Xét nghiệm cộng đồng
132.	1725014	2020	Nam	Độc Lập, Tịnh Ấn Tây, TP Quảng Ngãi	Xét nghiệm cộng đồng
133.	1725004	1950	Nữ	Đội 3, Thống Nhất, Tịnh Ấn Tây, TP Quảng Ngãi	F1 BN 1647723, xét nghiệm cộng đồng
134.	1725000	1988	Nam	Trung Vĩnh, Tịnh Hoà, TP Quảng Ngãi	Công nhân Công ty Mensa - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng

135.	1724987	1993	Nữ	Tân Mỹ, Nghĩa An, TP Quảng Ngãi	Công nhân Công ty Mensa - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
136.	1724998	1995	Nam	Độc Lập, Tịnh Ấn Tây, TP Quảng Ngãi	Công nhân công ty Millennium -KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
137.	1725032	1988	Nữ	Mỹ Lại, Tịnh Khê, TP Quảng Ngãi	Công nhân công ty TNHH Fujikura Automotive -KCN Tịnh Phong, xét nghiệm cộng đồng
138.	1725033	1991	Nữ	Tổ 6, Trần Phú, TP Quảng Ngãi	Nhân viên Công ty MSG - nhà thầu phụ công ty Bình Sơn, xét nghiệm cộng đồng
139.	1725048	2000	Nữ	Tân An, Nghĩa An, TP Quảng Ngãi	Công nhân Công ty Mensa - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
140.	1725052	1996	Nam	Tổ 7, Trần Phú, TP Quảng Ngãi	Công nhân công ty H. Phát, xét nghiệm cộng đồng
141.	1725056	1996	Nam	Chánh Lộ, TP Quảng Ngãi	Công nhân Công ty Hoyalens - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
142.	1725068	1994	Nữ	Chánh Lộ, TP Quảng Ngãi	Xét nghiệm cộng đồng
143.	1725069	2021	Nam	Chánh Lộ, TP Quảng Ngãi	Xét nghiệm cộng đồng
144.	1725065	1990	Nữ	Nghĩa Hà, TP Quảng Ngãi	Xét nghiệm cộng đồng
1.4. Tư Nghĩa: 06 ca					
145.	1724950	1989	Nữ	La Hà, Nghĩa Thương, Tư Nghĩa	Công nhân Công ty Mensa - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
146.	1724982	1991	Nam	An Bình, Thị trấn La Hà, Tư Nghĩa	Xét nghiệm cộng đồng
147.	1724983	1963	Nữ	Thôn Hòa, Nghĩa Mỹ, Tư Nghĩa	Xét nghiệm cộng đồng
148.	1724975	1985	Nữ	Điện An 3, Nghĩa Thương, Tư Nghĩa	Công nhân công ty may Vinatex, xét nghiệm cộng đồng
149.	1725008	2001	Nam	TDP 4, Thị trấn La Hà, Tư Nghĩa	Xét nghiệm cộng đồng
150.	1725045	1988	Nam	Thị trấn La Hà, Tư Nghĩa	Công nhân công ty Doosan Dung Quất, xét nghiệm cộng đồng

1.5. Nghĩa Hành: 01 ca					
151.	1725063	1988	Nam	Hành Thiện, Nghĩa Hành	Công nhân công ty H. Phát, xét nghiệm cộng đồng
1.6. Đức Phổ: 03 ca					
152.	1725020	1981	Nữ	Hội An 1, Phổ An, Đức Phổ	NVYT, xét nghiệm cộng đồng
153.	1725017	1933	Nữ	Vùng 4, Du Quang, Phổ Quang, Đức Phổ	Xét nghiệm cộng đồng
154.	1725018	1932	Nam	Vùng 4, Du Quang, Phổ Quang, Đức Phổ	Xét nghiệm cộng đồng
1.7. Mộ Đức: 05 ca					
155.	1725101	1957	Nam	Văn Hà, Đức Phong, Mộ Đức	Xét nghiệm cộng đồng
156.	1725102	1971	Nữ	Thạch Thang, Đức Phong, Mộ Đức	Xét nghiệm cộng đồng
157.	1725103	1966	Nữ	Thanh Long, Đức Thắng, Mộ Đức	F1 BN1691264, xét nghiệm cộng đồng
158.	1725104	2019	Nữ	Thanh Long, Đức Thắng, Mộ Đức	F1 BN1691264, xét nghiệm cộng đồng
159.	1724972	1994	Nam	Thôn 5, Đức Chánh, Mộ Đức	Công nhân Công ty Mensa - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
1.8. Ba Tơ: 04 ca					
160.	1724937	2007	Nữ	Đá Chát, Ba Liên, Ba Tơ	Xét nghiệm cộng đồng
161.	1724938	2013	Nam	Đá Chát, Ba Liên, Ba Tơ	Xét nghiệm cộng đồng
162.	1724939	2006	Nữ	Đá Chát, Ba Liên, Ba Tơ	Xét nghiệm cộng đồng
163.	1725058	1991	Nữ	Nước Y, Ba Vinh, Ba Tơ	Công nhân Công ty Mensa - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
1.9. Minh Long: 08 ca					
164.	1725021	1986	Nữ	Diên Sơn, Long Sơn, Minh Long	Xét nghiệm cộng đồng
165.	1725022	1990	Nữ	Biều Qua, Long Sơn, Minh Long	Xét nghiệm cộng đồng
166.	1725023	1996	Nữ	Đồng Tròn, Long Sơn, Minh Long	Xét nghiệm cộng đồng
167.	1725024	1991	Nữ	Yên Ngựa, Long Sơn, Minh Long	Xét nghiệm cộng đồng

168.	1725025	1998	Nữ	Đồng Tròn, Long Sơn, Minh Long	Xét nghiệm cộng đồng
169.	1725026	1993	Nữ	Yên Ngựa, Long Sơn, Minh Long	Xét nghiệm cộng đồng
170.	1725027	1966	Nữ	Đồng Tròn, Long Sơn, Minh Long	Xét nghiệm cộng đồng
171.	1725028	1989	Nam	Yên Ngựa, Long Sơn, Minh Long	Công nhân công ty Millennium - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
1.10. Sơn Hà: 02 ca					
172.	1724985	1992	Nam	Nước Bung, Thị trấn Di Lăng, Sơn Hà	Công nhân công ty H. Phát, xét nghiệm cộng đồng
173.	1724986	2001	Nam	Làng Mon, Sơn Cao, Sơn Hà	Xét nghiệm cộng đồng
1.11. Sơn Tây: 03 ca					
174.	1725078	1981	Nam	Đăk Trên, Sơn Dung, Sơn Tây	Cán bộ TTDVNN huyện Sơn Tây, xét nghiệm cộng đồng
175.	1725079	1986	Nữ	Đăk Trên, Sơn Dung, Sơn Tây	Giáo viên trường PTTH Đinh Tiên Hoàng, xét nghiệm cộng đồng
176.	1725080	2014	Nam	Đăk Trên, Sơn Dung, Sơn Tây	Học sinh Trường PTDTBT TH &THCS Sơn Dung, xét nghiệm cộng đồng
1.12. Trà Bồng: 02 ca					
177.	1724973	1992	Nữ	TDP 4, Trà Xuân, Trà Bồng	Công nhân Công ty Mensa - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
178.	1724924	1995	Nữ	Thôn Mon, Trà Thanh, Trà Bồng	Công nhân công ty Millennium - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
2. Xét nghiệm trong thời gian cách ly tại nhà: 17 ca					
179.	1724962	1973	Nữ	Đội 10, Nam Bình 1, Bình Nguyên, Bình Sơn	F1 BN 1521575, xét nghiệm trong thời gian cách ly tại nhà lần 3
180.	1724954	2019	Nữ	Thôn 1, Nghĩa Lâm, Tư Nghĩa	F1 BN 1521589, xét nghiệm trong thời gian cách ly tại nhà lần 3
181.	1724929	1998	Nữ	La Châu, Nghĩa trung, Tư Nghĩa	TPHCM về, xét nghiệm trong thời gian cách ly tại nhà lần 1

182.	1724935	1957	Nữ	An Ba, Hành Thịnh, Nghĩa Hành	TPHCM về, xét nghiệm trong thời gian cách ly tại nhà lần 1
183.	1724955	1989	Nữ	Thôn 1, Nghĩa Lâm, Tư Nghĩa	F1 BN 1521589, xét nghiệm trong thời gian cách ly tại nhà lần 3
184.	1724956	2021	Nữ	Tư Cung, Tịnh Khê, TP Quảng Ngãi	F1 BN 1710328, xét nghiệm trong thời gian cách ly tại nhà lần 1
185.	1724957	1971	Nam	Mỹ Tân, Bình Chánh, Bình Sơn.	TPHCM về, xét nghiệm trong thời gian cách ly tại nhà lần 1
186.	1724965	2012	Nữ	Bầu Chuốc, Bình Chánh, Bình Sơn	F1 BN 1691198, xét nghiệm trong thời gian cách ly tại nhà lần 1
187.	1724966	2015	Nam	Bầu Chuốc, Bình Chánh, Bình Sơn	F1 BN 1691198, xét nghiệm trong thời gian cách ly tại nhà lần 1
188.	1724970	1969	Nữ	Tổ 1, Nguyễn Nghiêm, TP Quảng Ngãi	F1 BN 1647691, xét nghiệm trong thời gian cách ly tại nhà lần 1
189.	1724971	1986	Nam	Cổ Lũy Bắc, Nghĩa Phú, TP Quảng Ngãi	Đồng Nai về, xét nghiệm trong thời gian cách ly tại nhà lần 1
190.	1725019	1995	Nam	Văn Trường, Phổ Văn, Đức Phổ	TPHCM về, xét nghiệm trong thời gian cách ly tại nhà lần 1
191.	1725059	1957	Nữ	TDP Nam Hoàn Đôn, Thị trần Ba Tơ, Ba Tơ	F1 BN 1647689, xét nghiệm trong thời gian cách ly tại nhà lần 2
192.	1725060	2009	Nam	TDP Nam Hoàn Đôn, Thị trần Ba Tơ, Ba Tơ	F1 BN 1647689, xét nghiệm trong thời gian cách ly tại nhà lần 2
193.	1725061	1995	Nam	Hành Thiện, Nghĩa Hành	Đồng Nai về, xét nghiệm trong thời gian cách ly tại nhà lần 1
194.	1725062	2000	Nam	Hành Thiện, Nghĩa Hành	TPHCM về, xét nghiệm trong thời gian cách ly tại nhà lần 1
195.	1725077	2003	Nữ	Tang Tong, Sơn Liên, Sơn Tây	Hải Dương về, xét nghiệm trong thời gian cách ly tại nhà lần 2

I. Tổng hợp tình hình dịch bệnh COVID-19

- Tổng số ca mắc mới trong ngày: **195**, Tổng số ca khỏi bệnh trong ngày: **89**; số ca tử vong trong ngày: 0.

- Số ca mắc COVID-19 tại tỉnh từ ngày 01/01/2021 đến nay: **5.830** ca bệnh. Trong đó: Tổng số ca hiện đang điều trị **1.941** (tại nhà: **1.540**; tại khu cách

ly F0 tập trung: **234**; tại bệnh viện: **167**); Số ca khỏi bệnh: **3.862** (tại nhà: 139; tại khu cách ly F0 tập trung: 69; tại bệnh viện: 3.654); Số bệnh nhân tử vong: **26**.

- Hoạt động truy vết từ ngày 26/6/2021 đến nay đã xác định: 15.311 trường hợp F1, 39.904 trường hợp F2.

- Đang cách ly tập trung: 08 người.

- Đang cách ly tại nhà: 8.065 người.

- Công tác thu dung, điều trị:

*** Tại Bệnh viện:**

Cơ sở điều trị	Số bệnh nhân vào viện trong ngày	Số bệnh nhân ra viện trong ngày	Tổng số bệnh nhân hiện có	Phân loại (số lượng, %)				
				Không triệu chứng	Nhẹ	Vừa	Nặng	Nguy kịch
Cơ sở 1	11	27	107	0	93 (86,9%)	14 (13,1%)	0	0
Cơ sở 2	10	12	60	5 (8,3%)	40 (66,7%)	11 (18,3%)	3 (5,0%)	1 (1,7%)
Tổng cộng	21	39	167	5 (3,0%)	133 (79,6%)	25 (15,0%)	3 (1,8%)	1 (0,6%)

*** Tại khu cách ly tập trung F0:** Số ca tiếp nhận trong ngày: 00; số ca khỏi bệnh trong ngày: 0; số ca hiện còn đang theo dõi, chăm sóc y tế: **234**; số ca khỏi bệnh: 69.

*** Tại nhà:** Số ca ghi nhận trong ngày: 174; số ca khỏi bệnh trong ngày: 50; số ca hiện còn đang theo dõi, chăm sóc y tế: **1.540**; số ca khỏi bệnh: 139.

- Tiêm chủng vắc xin ngừa COVID-19:

+ Tổng số vắc xin theo Quyết định phân bổ của Bộ Y tế: 1.892.644 liều.

+ Tổng số vắc xin tỉnh đã nhận: 1.892.644 liều.

+ Lũy tích số người tiêm ít nhất 1 mũi vắc xin: **856.228** người (đạt tỷ lệ 98,7% số người từ 18 tuổi trở lên).

+ Lũy tích số người tiêm 2 mũi vắc xin: **816.941** người (đạt tỷ lệ 94,2% số người từ 18 tuổi trở lên).

+ Số người từ 18 tuổi trở lên đã tiêm chủng mũi nhắc lại: **4.201** người (đạt tỷ lệ 0,5%)

+ Số trẻ 12 – 17 tuổi đã tiêm chủng 1 mũi vắc xin: **104.527** trẻ (đạt tỷ lệ

90,9%).

+ Số trẻ 12 – 17 tuổi đã tiêm chủng 2 mũi vắc xin: **2.414** trẻ (đạt tỷ lệ 2,1%).

II. Nhận định tình hình

1. Tỉnh Quảng Ngãi đã tiếp nhận số lượng lớn công dân từ các tỉnh phía Nam và từ các vùng dịch khác trở về địa phương; đồng thời, khởi động lại các hoạt động kinh tế-xã hội điều này cũng làm gia tăng ca bệnh.

Hiện nay thời tiết đang trong giai đoạn chuyển mùa Đông Xuân, đồng thời sắp tới là Tết Nguyên đán làm tăng số lượng người Quảng Ngãi về quê; tâm lý của một số người dân chủ quan khi đã tiêm đủ liều vắc xin, gây khó khăn cho công tác phòng, chống dịch.

Tình hình dịch COVID-19 tại TP Quảng Ngãi, các huyện Sơn Hà, Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa và các khu công nghiệp có diễn biến phức tạp.

2. Theo quy định của UBND tỉnh tại Công văn số 6997/UBND-KGVX ngày 22/12/2021 về thực hiện cách ly y tế trong tình hình mới nhằm thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19, các trường hợp F1 và người từ vùng dịch về đều cách ly tại nhà, đồng thời việc quản lý, điều trị F0 tại nhà theo Quyết định 2052/QĐ-UBND ngày 17/12/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch “ Tổ chức, thực hiện quản lý và chăm sóc người nhiễm COVID-19 tại nhà, nơi lưu trú” trên địa bàn tỉnh; việc cách ly điều trị F0 tại nhà cần tăng cường hơn nữa công tác quản lý, giám sát chặt chẽ bệnh điều trị tại nhà. Đồng thời người bệnh và gia đình cần thực hiện nghiêm túc các quy định cách ly điều trị tại nhà nếu không sẽ lây lan dịch cho những người trong gia đình và cộng đồng.

III. Một số kiến nghị, đề xuất

1. Đề nghị các cơ quan truyền thông: Tăng cường và đa dạng công tác tuyên truyền vận động để người dân chủ động thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch COVID-19. Lưu ý việc người dân thực hiện khai báo y tế trung thực, thực hiện tốt 5K; khi có triệu chứng ho, sốt, đau họng, khó thở, mất vị giác, khứu giác thì liên hệ y tế gần nhất để được tư vấn và xét nghiệm SARS-COV-2.

Truyền thông về lợi ích, tính an toàn của vắc xin và những tác dụng không mong muốn có thể xảy ra sau khi tiêm để người dân hiểu rõ, hiểu đúng và tự nguyện tiêm chủng.

2. Đề nghị các địa phương:

- Chính quyền địa phương, Tổ phòng, chống dịch COVID cộng đồng tăng cường giám sát y tế, cách ly y tế tại cư trú/lưu trú đối với cả F1 và F0; thực hiện

thông báo để cộng đồng biết, hỗ trợ. Các trường hợp vi phạm quy định giám sát y tế, cách ly điều trị tại nhà thì xử lý nghiêm theo quy định.

Chủ tịch UBND cấp xã chịu trách nhiệm kiểm tra, thẩm định, phê duyệt điều kiện đảm bảo giám sát y tế, cách ly y tế nơi cư trú/lưu trú đối với cả F1 và F0 theo quy định của Bộ Y tế và của UBND tỉnh.

- UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai các trạm y tế lưu động; sẵn sàng phương tiện, trang thiết bị, thuốc để kịp thời hỗ trợ F0 điều trị tại nhà khi cần thiết.

- Tiếp tục tăng cường hơn nữa công tác kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định phòng, chống dịch của tổ chức, cá nhân nhất là tại bệnh viện, cơ sở sản xuất, chợ, siêu thị, nhà ga, bến xe, nơi tập trung đông người...

- Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ tiêm chủng vắc xin phòng COVID-19. Tổ chức tiêm vét vắc xin, thành lập tổ tiêm lưu động đi từng ngõ, gõ cửa từng nhà, rà từng người thuộc nhóm nguy cơ cao, thực hiện tiêm ngay tại nhà baorddamr không bỏ sót ai thuộc nhóm nguy cơ cao mà không tiêm vắc xin đầy đủ (trừ những người chống chỉ định); đảm bảo 100% người từ 18 tuổi trở lên tiêm đủ hai mũi trong tháng 12/2021. Triển khai tiêm vắc xin phòng COVID-19 cho 100% trẻ em 12-17 tuổi tiêm đủ 02 mũi trong tháng 01/2022. Khẩn trương tiến hành tiêm vắc xin phòng COVID -19 mũi nhắc lại và mũi bổ sung cho người đã tiêm đủ 02 mũi vắc xin.

- Thực hiện quản lý chặt chẽ nhóm nguy cơ cao trên địa bàn, tổ chức chăm sóc, theo dõi sức khỏe, xử lý và điều trị ngay khi phát hiện mắc COVID-19 theo đúng hướng dẫn phân loại nguy cơ người nhiễm SARS-COV-2, để giảm tỷ lệ chuyển nặng và giảm tỷ lệ tử vong.

Sở Y tế kính báo./.

Nơi nhận:

- Bộ Y tế (báo cáo);
- Các cục: QLKCB, YTDP (báo cáo);
- Viện Pasteur Nha Trang (báo cáo);
- BCĐ PCD COVID-19 tỉnh (báo cáo);
- Trung tâm Chỉ huy PCD COVID-19 tỉnh (báo cáo);
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Ban Tuyên giáo TU;
- Các Sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- GD, các PGD Sở Y tế;
- Các phòng CN Sở Y tế;
- Trung tâm KSBT tỉnh;
- TTYT các huyện, tx, tp;
- VP Sở đăng Website;
- Lưu: VT, NVY.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Phạm Minh Đức

Phụ lục: Phân bố ca bệnh theo địa phương

Huyện	Cộng đồng	Sàng lọc B.Viện	Khu phong toả	Khu cách ly	Nhập cảnh	Tổng số
2630	810	13	69	388	11	1291
Sơn Tịnh	202	11	25	177	0	415
Thành Phố	583	26	242	748	0	1599
Tư Nghĩa	332	3	33	303	0	671
Nghĩa Hành	71	1	22	89	0	183
Mộ Đức	91	3	67	222	0	383
Đức Phổ	86	9	122	393	0	610
Trà Bồng	84	1	8	75	0	168
Lý Sơn	1	0	3	7	0	11
Sơn Hà	95	5	64	125	0	289
Sơn Tây	10	4	0	28	0	42
Minh Long	49	2	0	5	0	56
Ba Tơ	35	1	1	75	0	112
Tổng	2449	79	656	2635	11	5830